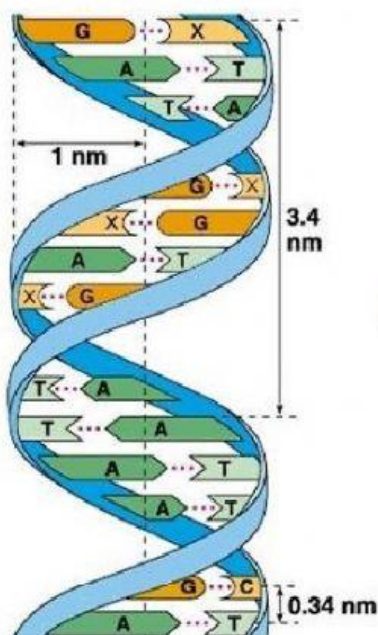


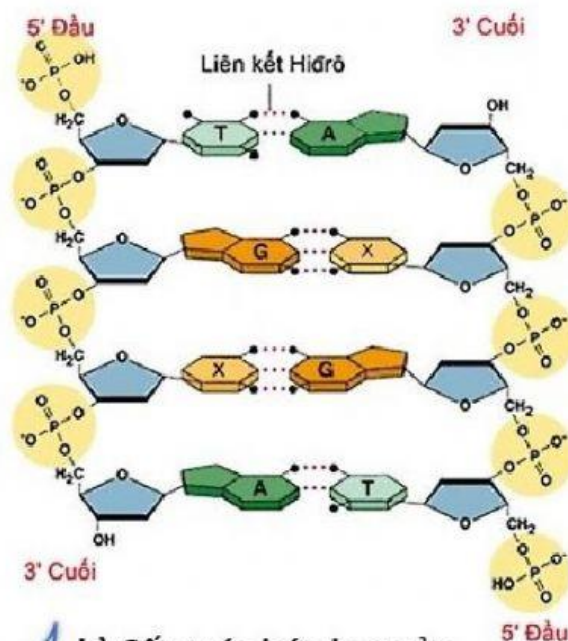
ÔN TẬP AXIT NUCLEIC VÀ PRÔTÊIN

Axit nucleic gồm 2 loại: ADN và ARN.

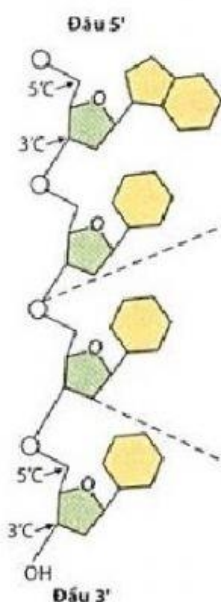
1. Quan sát hình sau đây và hoàn thiện đoạn thông tin bên dưới bằng cách kéo thả các từ cho sẵn vào chỗ trống thích hợp.



a) Cấu trúc cơ bản của ADN



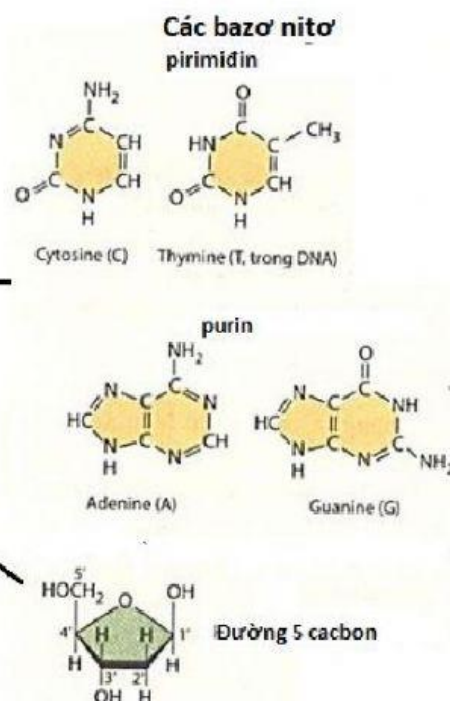
b) Cấu trúc hóa học của 1 đoạn ADN



Các nucleôtit trên 1 mạch liên kết với nhau bằng liên kết photphodiester

(b) Cấu trúc 1 nucleotit

c) Cấu trúc 1 mạch ADN



ngược chiều	nuclêôtit	liên kết hiđrô	phôtphođieste	X
T	bazơnitơ	phôtphat	xoắn kép	3
	đường 5 cacbon	2	đối diện	

Phân tử ADN có cấu trúc là 1 chuỗi _____ gồm 2 mạch đơn xếp song song và _____ nhau. Mỗi mạch đơn ADN được cấu tạo bởi các _____ liên kết với nhau bằng liên kết _____. Có 4 loại nuclêôtit là A, T, G, X. Mỗi nuclêôtit gồm 3 thành phần là nhóm _____, _____ và 1 trong 4 loại nuclêôtit là A, T, G, X. Các nuclêôtit _____ nhau trên 2 mạch đơn của phân tử ADN liên kết với nhau bằng _____ theo nguyên tắc bổ sung: A liên kết với _____ bằng _____ liên kết hiđrô ; G liên kết với _____ bằng _____ liên kết hiđrô.

2. Chức năng của ADN là gì?

.....

.....

3. Quan sát hình bên dưới, kéo thả các từ cho sẵn vào ô phù hợp trong bảng so sánh ADN với ARN sau đây.

ADN	Điểm chung	ARN

Có chứa nuclêôtit loại T

Có chứa Uraxin

A liên kết với T

A liên kết với U

Mạch đơn

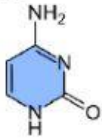
Chuỗi xoắn kép

G liên kết với X

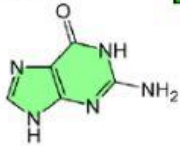
Đơn phân nuclêôtit

***Cytosine = Xitôxin**

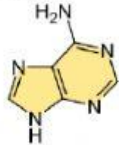
Cytosine **C**



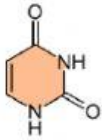
Guanine **G**



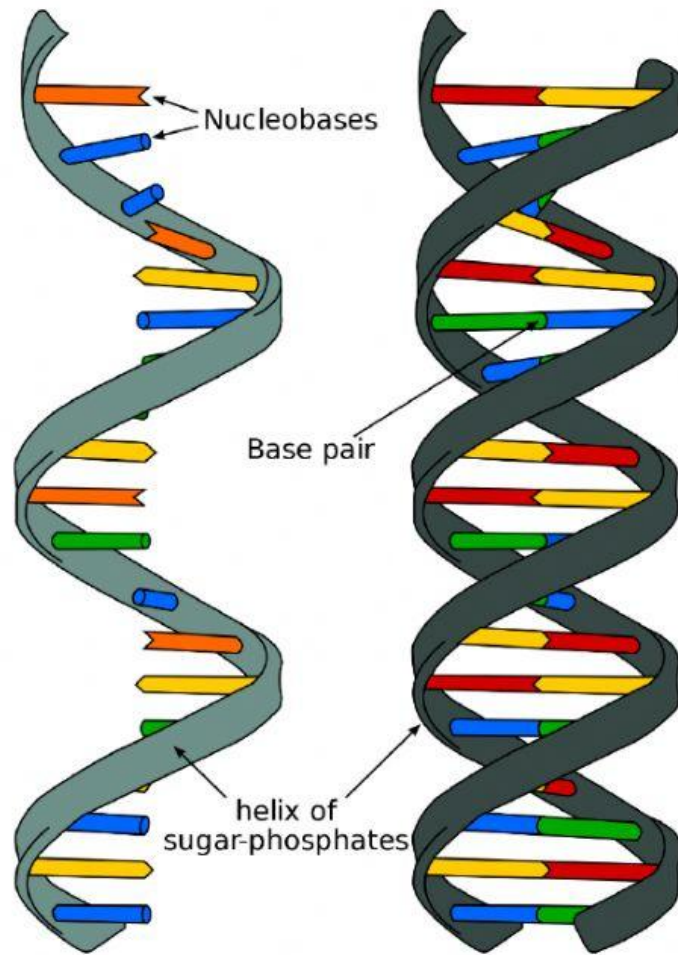
Adenine **A**



Uracil **U**



Nucleobases
of RNA



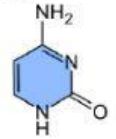
RNA

Ribonucleic acid

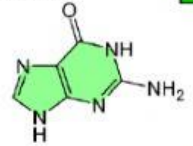
DNA

Deoxyribonucleic acid

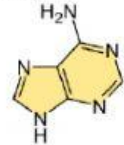
Cytosine **C**



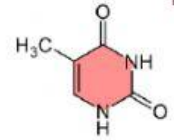
Guanine **G**



Adenine **A**

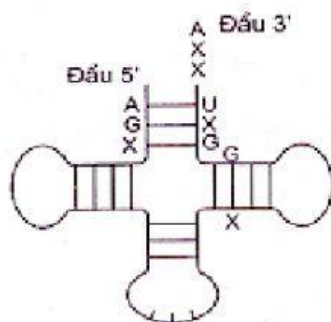


Thymine **T**



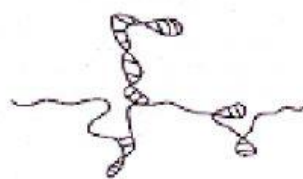
Nucleobases
of DNA

4. Kéo thả hình và các thông tin cho sẵn vào ô thích hợp trong bảng bên dưới.

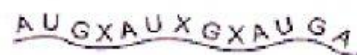


mARN

tARN



rARN



Người phiên dịch.

Kết hợp với prôtêin tạo ribôxôm

Làm khuôn tổng hợp prôtêin.

Mang axit amin tới ribôxôm.

Truyền thông tin di truyền
từ ADN tới prôtêin.

Loại ARN	Viết tắt	Hình cấu trúc	Chức năng
ARN thông tin			
ARN vận chuyển			
ARN ribôxôm			

5. Chọn những phát biểu đúng về prôtêin.

- a) Là đại phân tử hữu cơ.
- b) Cấu tạo từ các đơn phân là axit amin.
- c) Có vai trò lưu trữ thông tin di truyền.
- d) Chỉ có ở các loài động vật bậc cao.
- e) Có nhiều vai trò quan trọng đối với cơ thể sống.

6. Nối các thông tin ở cột A sao cho phù hợp với thông tin ở cột B

Vai trò của prôtêin trong cơ thể sống

Vai trò
Cấu tạo nên tế bào và cơ thể
Vận chuyển các chất
Bảo vệ cơ thể
Dự trữ axit amin
Xúc tác cho các phản ứng sinh hóa
Thụ nhận thông tin

Ví dụ
Kháng thể
Cazêin (prôtêin sữa)
Thụ thể trong tế bào
Enzim
Hêmôglôbin trong hồng cầu
Côlagen trong các mô liên kết